

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TRÀ VINH
TỈNH TRÀ VINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/DS-ST
Ngày: 08-4-2024
“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TRÀ VINH, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thor.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Minh Sơn.

2. Bà Thạch Thị Mỹ Kim.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm An Bình - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Tường Phước Lộc - Kiểm sát viên.

Ngày 08/4/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 222/2023/TLST-DS, ngày 09/10/2023 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2024/QĐXXST-DS, ngày 29/02/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2024/QĐST-DS, ngày 19 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Trụ sở chính: Số 02 Láng Hạ, phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng; chức vụ: Tổng Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam. Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Toàn Vượng: Bà Nguyễn Thị Tuyền; chức vụ: Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh số 1 Trà Vinh (Theo văn bản ủy quyền số: 2665/QĐ-NHNo-PC, ngày 02/12/2022). Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Tuyền: Bà Phạm Lê Ngân Giang; chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh số 1 Trà Vinh (Theo văn bản ủy quyền số: 33/UQ-NHNo.CN1, ngày 23/02/2024). Địa chỉ chi nhánh: Số 85, 87, đường Quang Trung, khóm 9, phường 4, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

- Bị đơn:

1. Bà Nguyễn Thị Kim N1, sinh năm 1973 (Vắng mặt).

2. Ông Mai Văn B1, sinh năm 1972 (Vắng mặt).

3. Chị Mai Thị Huỳnh N1, sinh năm 1996 (Vắng mặt).

4. Anh Mai Chí P1, sinh năm 1993 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp Kinh Lớn, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 17/4/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Lê Ngân Giang trình bày và yêu cầu như sau: Vào ngày 03/4/2019, bà Nguyễn Thị Kim N1, ông Mai Văn B1, chị Mai Thị Huỳnh N1, anh Mai Chí P1 có ký hợp đồng vay tiền với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh số 1 Trà Vinh. Theo Hợp đồng tín dụng số: 7401-LAV201900855, ngày 03 tháng 04 năm 2019, theo báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ số tiền vay là 200.000.000 đồng. Ngày nhận nợ vay ngày 21/03/2022. Hạn trả cuối cùng ngày 20/3/2023. Lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 9.0%/năm. Mục đích vay chăn nuôi. Khi vay vốn thì bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 và Ngân hàng có ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 855/BĐTD ngày 03 tháng 04 năm 2019 đối với các thửa đất: Thửa đất số 542, tờ bản đồ số 53, diện tích 660.9m², loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh cấp cho bà Nguyễn Thị Kim N1, cấp ngày 08/6/2015; Thửa đất số 543, tờ bản đồ số 53, diện tích 1.999,8m², loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh; Thửa đất số 200, tờ bản đồ số 02, diện tích 860m², loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân thị xã Trà Vinh (Nay là thành phố Trà Vinh) cấp cho hộ bà Phan Thị N, cấp ngày 07/3/1997, chính trang 4 cho bà Nguyễn Thị Kim N1, ngày 05/6/2006 và các tài sản gắn liền với đất. Quá trình vay vốn bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh số 1 Trà Vinh là không trả gốc và chỉ trả lãi cho Ngân hàng với số tiền 19.504.111 đồng. Ngân hàng đã cử cán bộ đến đôn đốc nhiều lần nhưng bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Từ ngày 21/3/2023 cho đến khi Ngân hàng khởi kiện bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 ra Tòa án thì bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 không trả vốn gốc và lãi cho Ngân hàng. Dư nợ hiện tại là 200.000.000 đồng. Lãi tạm tính từ ngày 21/3/2023 đến ngày 08/4/2024 là 34.778.082 đồng (Trong đó: Lãi trong hạn là 23.145.205 đồng; lãi quá hạn là 11.632.877 đồng; lãi chậm trả là 0 đồng).

Nay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh số 1 Trà Vinh yêu cầu bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 trả nợ cho Ngân hàng với số tiền 234.778.082 đồng (Trong đó: Vốn gốc 200.000.000 đồng và lãi tạm tính từ ngày 21/3/2023 đến ngày 08/4/2024 là 34.778.082 đồng; lãi trong hạn là 23.145.205 đồng; lãi quá hạn là 11.632.877 đồng; lãi chậm trả là 0 đồng) và yêu cầu bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 tiếp tục trả lãi phát sinh đến khi thực hiện

nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp, bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh số 1 Trà Vinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 855/BĐTD ngày 03 tháng 04 năm 2019 để Ngân hàng thu hồi nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 7401-LAV201900855, ngày 03 tháng 04 năm 2019.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N1, ông Mai Văn B1, chị Mai Thị Huỳnh N1, anh Mai Chí P1 vắng mặt: Không có lời trình bày.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng dân sự và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, đương sự tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tổng số tiền nợ gốc, lãi tạm tính đến ngày 08/4/2023 là 234.778.082 đồng (Trong đó. Vốn gốc 200.000.000 đồng; lãi trong hạn 23.145.205 đồng; lãi quá hạn 11.632.877 đồng) và yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim N1, ông Mai Văn B1, chị Mai Thị Huỳnh N1, anh Mai Chí P1 tiếp tục chịu lãi phát sinh đến khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Căn cứ hợp đồng tín dụng và các tài liệu do nguyên đơn cung cấp và lời trình bày của nguyên đơn thấy rằng nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận giao kết hợp đồng tín dụng theo đúng quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015, Luật các Tổ chức tín dụng nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Bị đơn đã trả cho Ngân hàng tổng số tiền gốc là 0 đồng, số tiền lãi đã trả đến ngày 21/3/2023 là 19.504.111 đồng theo hợp đồng tín dụng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên đã mặc nhiên thừa nhận nợ. Do đó, bị đơn phải có trách nhiệm trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015. Vì vậy, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ là 234.778.082 đồng (Trong đó. Vốn gốc 200.000.000 đồng; lãi trong hạn 23.145.205 đồng; lãi quá hạn 11.632.877 đồng) tính đến ngày 08/4/2024 và lãi phát sinh đến khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ là có căn cứ để chấp nhận. Về lãi suất: đã được thỏa thuận cụ thể tại hợp đồng, bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên phải có trách nhiệm chịu lãi suất chậm trả như đã thỏa thuận, việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất chậm trả là có căn cứ chấp nhận. Do đó, bị đơn phải có trách nhiệm tiếp tục trả lãi suất cho đến khi thanh toán hết nợ.

Từ những phân tích trên đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 26, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 117, 119, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 91, khoản 2 Điều 94, Điều 95 Luật Các Tổ chức Tín dụng năm 2010, tuyên:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 234.778.082 đồng tạm tính đến ngày 08/4/2024.

- Tiếp tục tính lãi theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số: 7401-

LAV201900855 được kết ngày 03/4/2019 cho đến khi bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 thanh toán hết nợ.

- Về án phí: Bị đơn bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 nộp án phí, chi phí tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần hai nhưng bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[1.2] Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh số 1 Trà Vinh yêu cầu bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 trả nợ vay. Xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Bị đơn bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 cư trú tại ấp Kinh Lớn, xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh.

[1.3] Tính hợp pháp: Đối với Hợp đồng tín dụng số: 7401-LAV201900855, ngày 03 tháng 04 năm 2019 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 855/BĐTD ngày 03 tháng 04 năm 2019 được giao kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh số 1 Trà Vinh và bà N1, ông B1, chị N1, anh P1. Tại thời điểm giao kết hợp đồng các bên giao kết đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự. Việc giao kết hợp đồng giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện. Nội dung thỏa thuận trong hai hợp đồng không trái với quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Do đó, Hợp đồng tín dụng số: 7401-LAV201900855, ngày 03 tháng 04 năm 2019 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 855/BĐTD ngày 03 tháng 04 năm 2019 mà các bên giao kết là hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết.

[2] Về nội dung vụ án: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh số 1 Trà Vinh yêu cầu bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 trả nợ cho Ngân hàng với số tiền 234.778.082 đồng (Trong đó: Vốn gốc 200.000.000 đồng và lãi tạm tính từ ngày 21/3/2023 đến ngày 08/4/2024 là 34.778.082 đồng) và yêu cầu bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 tiếp tục trả lãi phát sinh đến khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Trường hợp, bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh số 1 Trà Vinh thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 855/BĐTD ngày 03 tháng 04 năm 2019 để Ngân

hàng thu hồi nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 7401-LAV201900855, ngày 03 tháng 04 năm 2019.

[2.1] Về nợ gốc: Căn cứ theo Hợp đồng tín dụng số: 7401-LAV201900855, ngày 03 tháng 04 năm 2019 được ký kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi Nhánh số 1 Trà Vinh và bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 thì Ngân hàng có cho bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 vay với số tiền vay vốn gốc là 200.000.000 đồng và bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 đã nhận đủ số tiền vay nêu trên. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 đã vi phạm nghĩa vụ ký kết trong hợp đồng tín dụng với Ngân hàng là không trả nợ gốc đúng hạn cho Ngân hàng. Mặc dù, Ngân hàng đã cử cán bộ đến đôn đốc nhiều lần nhưng bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 vẫn không trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi Nhánh số 1 Trà Vinh yêu cầu bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 trả cho Ngân hàng số tiền nợ vay vốn gốc 200.000.000 đồng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về nợ lãi: Theo Hợp đồng tín dụng số: 7401-LAV201900855, ngày 03 tháng 04 năm 2019 được ký kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi Nhánh số 1 Trà Vinh và bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 thì bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 đã vi phạm nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng cụ thể là bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 chỉ trả lãi cho Ngân hàng với tổng số tiền 19.504.111 đồng. Từ ngày 21/3/2023 cho đến khi Ngân hàng khởi kiện bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 ra Tòa án thì bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 không thực hiện nghĩa vụ trả lãi cho Ngân hàng. Mặc dù, Ngân hàng đã cử cán bộ đến đôn đốc nhiều lần nhưng bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 vẫn không trả nợ lãi cho Ngân hàng. Lãi suất được ký kết giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi Nhánh số 1 Trà Vinh và bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 là phù hợp theo quy định pháp luật. Ngoài ra, theo quy định tại Điều 91 và khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng việc thỏa thuận lãi suất giữa Ngân hàng và bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 trả nợ lãi cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng số: 7401-LAV201900855, ngày 03 tháng 04 năm 2019 với số tiền 34.778.082 đồng và yêu cầu bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 tiếp tục trả lãi phát sinh đến khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.3] Đối với yêu cầu của Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh số 1 Trà Vinh về việc phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 855/BĐTD ngày 03 tháng 04 năm 2019 để Ngân hàng thu hồi nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 7401-LAV201900855, ngày 03 tháng 04 năm 2019 đối với các thửa đất: Thửa đất số 542, tờ bản đồ số 53, diện tích 660.9m², loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh cấp cho bà Nguyễn Thị Kim N1, cấp ngày 08/6/2015; Thửa đất số 543, tờ bản đồ số 53, diện tích 1.999,8m², loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh cấp cho hộ ông Mai Văn

B1, cấp ngày 31/8/2015; Thửa đất số 200, tờ bản đồ số 02, diện tích 860m², loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân thị xã Trà Vinh (Nay là thành phố Trà Vinh) cấp cho hộ bà Phan Thị Nguyệt, cấp ngày 07/3/1997, chính trang 4 cho bà Nguyễn Thị Kim N1, ngày 05/6/2006 và các tài sản gắn liền với đất trong trường hợp, bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ, các tài sản nêu trên được dùng để đảm bảo cho khoản vay của bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 đối với Ngân hàng trong trường hợp bên vay vi phạm nghĩa vụ đối với bên cho vay thì bên cho vay là Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Quá trình thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Ngân hàng thì bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 đã vi phạm nghĩa vụ là không thực hiện đúng nghĩa vụ trả vốn gốc và lãi cho Ngân hàng. Do đó, Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh số 1 Trà Vinh yêu cầu xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 855/BĐTD ngày 03 tháng 04 năm 2019 để Ngân hàng thu hồi nợ theo Hợp đồng tín dụng số: 7401-LAV201900855, ngày 03 tháng 04 năm 2019 đối với các thửa đất: Thửa đất số 542, tờ bản đồ số 53, diện tích 660.9m², loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh cấp cho bà Nguyễn Thị Kim N1, cấp ngày 08/6/2015; Thửa đất số 543, tờ bản đồ số 53, diện tích 1.999,8m², loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân thành phố Trà Vinh cấp cho hộ ông Mai Văn B1, cấp ngày 31/8/2015; Thửa đất số 200, tờ bản đồ số 02, diện tích 860m², loại đất trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Long Đức, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh do Ủy ban nhân dân thị xã Trà Vinh (Nay là thành phố Trà Vinh) cấp cho hộ bà Phan Thị Nguyệt, cấp ngày 07/3/1997, chính trang 4 cho bà Nguyễn Thị Kim N1, ngày 05/6/2006 và các tài sản gắn liền với đất là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.4] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, quyết định cung cấp tài liệu chứng cứ, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, thông báo kết quả phiên họp, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập, quyết định hoãn phiên tòa theo đúng quy định pháp luật để thông báo cho bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 biết nhưng bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 vắng mặt không có lý do cũng như không đưa ra được chứng cứ chứng minh phản đối lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn coi như bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 đã từ bỏ quyền được pháp luật bảo vệ cũng như phải chịu hậu quả pháp lý của việc không phản đối và không chứng minh.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc bị đơn bà N1, ông B1, chị N1, anh P1 phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.100.000 đồng.

[5] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên; yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 5; khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 117; Điều 119; Điều 288; Điều 317; Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 323; Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91, Điều 94 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam.

2. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N1, ông Mai Văn B1, chị Mai Thị Huỳnh N1, anh Mai Chí P1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam số tiền 234.778.082 đồng (*Hai trăm ba mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng*) (Trong đó: Vốn gốc 200.000.000 đồng (*Hai trăm triệu đồng*) và lãi 34.778.082 đồng (*Ba mươi bốn triệu, bảy trăm bảy mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng*)).

3. Kể từ ngày 09/4/2024, cho đến khi thi hành án xong, bà Nguyễn Thị Kim N1, ông Mai Văn B1, chị Mai Thị Huỳnh N1, anh Mai Chí P1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số: 7401-LAV201900855, ngày 03 tháng 04 năm 2019. Trường hợp Hợp đồng tín dụng số: 7401-LAV201900855, ngày 03 tháng 04 năm 2019 các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Trường hợp, bà Nguyễn Thị Kim N1, ông Mai Văn B1, chị Mai Thị Huỳnh N1, anh Mai Chí P1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn Việt Nam - Chi nhánh số 1 Trà Vinh đối với Hợp đồng tín dụng số: 7401-LAV201900855, ngày 03 tháng 04 năm 2019 thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 855/BĐTD ngày 03 tháng 04 năm 2019.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh số 1 Trà Vinh không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh số 1 Trà Vinh số tiền 5.058.000 đồng (*Năm triệu, không trăm năm mươi tám nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu số 0018153 ngày 06/10/2023. Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N1, ông Mai Văn B1, chị Mai Thị Huỳnh N1, anh Mai Chí P1 phải chịu 11.738.904 đồng (*Mười một triệu, bảy trăm ba mươi tám nghìn, chín trăm lẻ bốn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

6 Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ 1.100.000 đồng (*Một triệu, một trăm nghìn đồng*). Buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Kim N1, ông Mai Văn B1, chị Mai Thị Huỳnh N1, anh Mai Chí P1 phải chịu 1.100.000 đồng (*Một triệu, một trăm nghìn đồng*), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh. Nguyên đơn Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh số 1 Trà Vinh không phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Nguyên đơn được nhận lại 5.000.000 đồng (*Năm triệu đồng*) tiền tạm ứng chi phí tố tụng. Nguyên đơn Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh số 1 Trà Vinh nhận tại Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh 3.900.000 đồng (*Ba triệu chín đồng*) và nhận tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh 1.100.000 đồng (*Một triệu, một trăm nghìn đồng*).

7. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND TP. Trà Vinh;
- Chi cục THADSTP. Trà Vinh;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Thơ